Chi tiết mã HS 8512.30.20

Mã HS	8512.30.20
Mô tả hàng hóa	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ / - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 20:22:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85123020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15230
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15230
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15230
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-PH, CN)	0% (trừ PH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14534
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14475
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14475
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14475
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14475
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14475
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14475
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14529
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14529
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14529
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14529
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14529
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	VJ!E14530
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F14530
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14530
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14530
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14530
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14530
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14533
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14481
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14489
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14489
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14489
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14489
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14489
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14489
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14520
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14520
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14520
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14520
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14520
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14520
VCFTA	2022	2022	25	VC!D14575
VCFTA	2023	2023	25	VC!E14575
VCFTA	2024	2024	20	VC!F14575

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	20	VC!G14575
VCFTA	2026	2026	20	VC!H14575
VCFTA	2027	2027	20	VC!I14575
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D14552
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E14552
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F14552
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14552
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14552
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14552
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14552
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14552
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14552
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14552
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14552
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14552
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D14567
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E14567
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F14567
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14567
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14567
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14567
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D14566
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E14566
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F14566
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14566
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14566

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14566
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14559
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14559
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14559
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14559
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14559
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14559
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14559
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D14554
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E14554
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F14554
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G14554
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H14554
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I14554
RCEP B	2022	2022	25	B!D14554
RCEP B	2023	2023	25	B!E14554
RCEP B	2024	2024	25	B!F14554
RCEP B	2025	2025	25	B!G14554
RCEP B	2026	2026	25	B!H14554
RCEP B	2027	2027	25	B!I14554
RCEP C	2022	2022	*	C!D14554
RCEP C	2023	2023	*	C!E14554
RCEP C	2024	2024	*	C!F14554
RCEP C	2025	2025	*	C!G14554
RCEP C	2026	2026	*	C!H14554
RCEP C	2027	2027	*	C!I14554

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D14553
RCEP D	2023	2023	25	D!E14553
RCEP D	2024	2024	25	D!F14553
RCEP D	2025	2025	25	D!G14553
RCEP D	2026	2026	25	D!H14553
RCEP D	2027	2027	25	D!I14553
RCEP E	2022	2022	25	E!D14557
RCEP E	2023	2023	25	E!E14557
RCEP E	2024	2024	25	E!F14557
RCEP E	2025	2025	25	E!G14557
RCEP E	2026	2026	25	E!H14557
RCEP E	2027	2027	25	E!I14557
RCEP F	2022	2022	25	F!D14554
RCEP F	2023	2023	25	F!E14554
RCEP F	2024	2024	25	F!F14554
RCEP F	2025	2025	25	F!G14554
RCEP F	2026	2026	25	F!H14554
RCEP F	2027	2027	25	F!I14554
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F13544
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G13544
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H13544
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I13544

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8512.30 có 4 dòng thuế; dòng 8512.30.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp.	8512.30.10 Còi, đã lắp ráp; 8512.30.91 Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe; 8512.30.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8512.30.20 có mã Chương 98 tương ứng 9849.30.32 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8512.30.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8512.30.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15230), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.